

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 374 /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025
huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam: số 98/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2025; số 15/NQ-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2025 về điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 68/TTr-STN&MT ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất thực hiện theo kế hoạch năm 2025

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	10.228,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.623,04
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	7.621,93
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1,10
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	630,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	671,60
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	914,92
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	
1.9	Đất làm muối	LMU	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	388,42
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.159,42
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	877,54
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	121,32
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,41
2.4	Đất quốc phòng	CQP	4,55
2.5	Đất an ninh	CAN	2,89
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	97,21
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	13,82
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,08
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,79
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,76
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,99
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,77
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	164,37
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	86,06
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	7,31
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,00
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.145,88
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.525,89
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	578,75
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	11,52
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,97
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,16
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5,53
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,23
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,08
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	10,76
2.9	Đất tôn giáo	TON	30,83
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	34,06
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	250,90
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	409,96
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	148,60
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	261,36
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,50
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	34,02
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	23,25

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	10,77
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	

(Diện tích đất phân theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục I kèm theo)

2. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

3. Ranh giới, vị trí các công trình, dự án xác định thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục được xác định theo Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục tỷ lệ 1/25.000.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt và quy định pháp luật;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
4. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo định kỳ quy định.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Lục đã được phê duyệt, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận 

- Như Điều 4;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, NNTNMT;
- Lưu: VT, NNTNMT_(TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Vượng